

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Xuân,  
huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch nông thôn; Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND huyện Như Xuân v/v phê duyệt nhiệm vụ, dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân đến năm 2030;*

*Căn cứ Công văn số 99/SXD-QH ngày 06/01/2022 của Sở Xây dựng v/v ý kiến về hồ sơ đề án quy hoạch chung xây dựng các xã: Bình Lương, Tân Bình, Thanh Xuân, Thượng Ninh, Thanh Sơn, Cát Vân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030; Công văn số 317/SNN&PTNT-KHTC ngày 25/01/2022 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn v/v tham gia ý kiến về nội dung điều chỉnh đề án quy hoạch chung xây dựng các xã Bình Lương, Tân Bình, Thanh Xuân, Thượng Ninh, Thanh Sơn, Cát Vân, huyện Như Xuân đến năm 2030; Công văn số 415/SGTVT-KHTC ngày 25/01/2022 của Sở Giao thông vận tải v/v tham gia ý kiến về nội dung đề án quy hoạch các xã Bình Lương, Tân Bình, Thanh Xuân, Thượng Ninh, Thanh Sơn, Cát Vân, huyện Như Xuân đến năm 2030;*

*Xét Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 07/5/2022, của UBND xã Thanh Xuân; theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại báo cáo thẩm định số 58/TĐ-KTHT ngày 11/5/2022,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, gồm các nội dung sau:

### **1. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch.**

- Phạm vi nghiên cứu Quy hoạch: toàn bộ địa giới hành chính xã Thanh Xuân. Diện tích toàn xã 3.689,95 ha.

- Ranh giới lập Quy hoạch chung xây dựng xã:

+ Phía Đông giáp xã Cát Vân.

+ Phía Tây giáp xã Thanh Sơn, Thanh Phong;

+ Phía Nam giáp xã Thanh Lâm;

+ Phía Bắc giáp huyện Thường Xuân.

- Tổng dân số hiện trạng khu vực nghiên cứu lập quy hoạch: 2.832 người.

### **2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã.**

#### **2.1. Mục tiêu quy hoạch**

- Cụ thể hóa chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị Quyết được đại hội Đảng bộ huyện Như Xuân và đại hội Đảng bộ xã Thanh Xuân đề ra.

- Cụ thể hoá quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hoá và huyện Như Xuân đã được phê duyệt.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thời kỳ 2021 - 2030; Phát triển nông thôn bền vững trên cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và mang bản sắc văn hóa vùng miền, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thời kỳ 2021 - 2030.

- Đảm bảo các yêu cầu, tiêu chí để hoàn thành mục tiêu xây dựng xã Nông thôn mới.

- Làm cơ sở pháp lý xây dựng các chương trình đầu tư, kế hoạch phát triển, quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Xuân nhằm tạo tiền đề và cơ sở pháp lý hoạch định và quản lý sự phát triển của xã trong giai đoạn 2020-2030, phân kỳ giai đoạn 2020-2025 và 2025-2030 theo định hướng đúng đắn, phù hợp, thu hút đầu tư các nguồn lực để xây dựng và phát triển xã Thanh Xuân theo các tiêu chí xã Nông thôn mới.

#### **2.2. Tính chất, chức năng, kinh tế chủ đạo:**

- Là đơn vị hành chính cấp xã;

- Kinh tế chủ đạo là Nông, Lâm nghiệp kết hợp - Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - Dịch vụ thương mại.

### **3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.**

**3.1. Dự báo quy mô dân số:** đến 2030 là **3.120** người, trong đó:

- Dân số hiện trạng: 2.832 người;
- Dân số phát triển mới khoảng: 218 người;

### **3.2. Dự báo quy mô lao động đến năm 2030**

Dự báo đến năm 2030, Lao động thuộc các khu vực:

- Lao động phi nông nghiệp CN, TTCN: 3.000 Lao động (1)

{ Trong đó:

+ Lao động trong khu CN – làng nghề : 3.000 (100 Lao động/1ha)

+ Thu hút lao động tại xã khoảng 25% : 750 Lao động. }

- Lao động khối cơ quan sự nghiệp : 100 Lao động (2)

- Lao động khối thương mại - dịch vụ : 500 Lao động (3)

- Lao động ngành nông, lâm nghiệp : 640 Lao động (4)

Tổng lao động (1) + (2) + (3) + (4) = 4.240 Lao động

### **3.3. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu**

Theo Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND huyện Như Xuân v/v phê duyệt nhiệm vụ, dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân đến năm 2030.

### **4. Định hướng quy hoạch không gian tổng thể xã:**

**4.1. Vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn, bản.**

a. Vị trí, quy mô khu trung tâm xã:

- Khu vực trung tâm xã được ổn định tại vị trí thôn Lâm Chính như hiện nay được cải tạo, chỉnh trang với hệ thống các công trình phù hợp quy mô, diện tích, công năng gồm: Công sở xã; trạm Y tế; Trường tiểu học và THCS; Trường mầm non; Xây dựng mới trung tâm văn hóa thể thao, trụ sở Công an, quân sự xã; .... Trên trục trung tâm xã. Tổng diện tích đất khoảng: 5,81ha

b. Hệ thống thôn, bản, các khu dân cư tập trung;

Đến năm 2025, ổn định cơ cấu xã Thanh Xuân với 6 thôn như hiện nay gồm: Thanh Thủy, Lâm Chính, Đồng Phóng, Thanh Đồng, Thanh Bình và Thôn Thanh Tiến.

- Các công trình hạ tầng xã hội: Nhà văn hóa thôn; khu thể thao... một số điểm trường Mầm non, Tiểu học... được bố trí phù hợp với tính chất, quy mô của

từng thôn theo các định hướng về thôn, bản nông thôn mới quy định tại quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 21/08/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa Ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2019 – 2025.

- Khu dân cư hiện trạng: Cơ bản giữ nguyên dân cư hiện trạng, một số công trình phải bố cục, sắp xếp quy hoạch lại nhằm nâng cấp cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nâng cao dần chất lượng sống cho các khu dân cư này, đáp ứng với yêu cầu của thôn bản theo tiêu chí thôn nông thôn mới vào năm 2025, nông thôn mới nâng cao năm 2030. Một số ít hộ nằm trong giải phóng mặt bằng nhằm phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các điểm có nguy cơ sạt lở..... được bố trí tái định cư tại các khu vực đất phát triển mới.

- Khu dân cư phát triển mới: Hình thành các khu đất ở dân cư mới đáp ứng cho nhu cầu phát triển của địa phương và dân cư các nơi khác có nhu cầu đến làm việc tại cụm công nghiệp và hoạt động dịch vụ thương mại trên địa bàn xã, đặc biệt tại khu vực trung tâm xã và dọc tuyến giao thông mới. Các lô đất là đất trồng cây lâu năm, hàng năm, đất trồng lúa năng có xuất thấp, hiệu quả bấp bênh...

- Quy hoạch 01 khu tái định cư kèm theo cơ sở hạ tầng gắn với khu vực sản xuất cho khoảng 70 hộ dân cư trong xã tại khu vực thôn Thanh Đồng trên trục đường đi xã Thanh Lâm.

c. Định hướng Kiến trúc các công trình công cộng và nhà ở

\*. Hình thức kiến trúc các công trình công cộng

- Định hướng Kiến trúc công trình công cộng, dịch vụ: Phải phù hợp với yêu cầu hoạt động đa dạng của cộng đồng dân cư.

- Hình thức kiến trúc phong phú và hài hoà với không gian chung. Một số công trình như nhà văn hoá, công sở xã, khu TDTT,... không những phải thỏa mãn nhu cầu sinh hoạt ngày càng cao mà cũng phải thể hiện kiến trúc đậm đà sắc thái tiêu biểu của địa phương.

\*. Hình thức kiến trúc các công trình nhà ở

- Hình thức kiến trúc các công trình xây dựng nhà ở phải hài hòa với tổng thể không gian chung toàn khu, chú ý khai thác yếu tố kiến trúc mang sắc thái địa phương; Khuyến khích thiết kế hài hoà với sân vườn và cảnh quan thiên nhiên và điều kiện khí hậu.

- Hàng rào công trình: Cao tối đa không quá 1.5m, không xây kín, yêu cầu thiết kế thoáng, khuyến khích sử dụng cây xanh để làm hàng rào.

- Vật liệu xây dựng của các công trình: Phù hợp với công năng sử dụng, khuyến khích sử dụng vật liệu sẵn có tại địa phương, vật liệu trang trí bề mặt công trình phải hài hòa với tổng thể không gian chung;

## **4.2. Hệ thống khu sản xuất**

a. Khu Cụm công nghiệp – Làng nghề:

- Xây dựng Cụm công nghiệp Thanh Xuân quy mô khoảng 30 ha vị trí phía Bắc đường ĐT.520D (đường tỉnh) thuộc thôn Lâm Chính. Đây là khu chế biến lâm sản, mộc gia dụng, nông sản, VLXD, vận tải...vv từ nguồn nguyên liệu tại địa phương góp phần chuyển dịch cơ cấu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn và khu vực.

- Phát huy lợi thế và tiềm năng, đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế, phát triển hạ tầng thu hút các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh, trong kỳ quy hoạch này đề xuất xây dựng cụm công nghiệp Thanh Xuân giai đoạn 2025-2030 diện tích 30ha nhằm phát huy hiệu quả quỹ đất và nguồn nguyên liệu của địa phương.

- Mở rộng khu khai khoáng, sản xuất VLXD hiện có lên 17,22 ha.

- Ngoài ra, tại mỗi gia đình, có thể tổ chức sản xuất các ngành nghề truyền thống như: Dệt thổ cẩm, đan lát, chế tác các vật dụng bằng tre, luồng..... quy mô nhỏ, phù hợp, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Đây được xem như là một sản phẩm du lịch cộng đồng.

- Phát triển dịch vụ thương mại, vận tải: Đổi mới phương thức kinh doanh đáp ứng nhu cầu của thị trường, khuyến khích đầu tư phát triển mở rộng quy mô, đa dạng các dịch vụ cung ứng vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp, thu mua nông sản, mở rộng nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, dịch vụ tiêu dùng, dịch vụ ăn uống tập trung tại thôn Lâm Chính Đồng Phóng, Thanh Đồng. Xây dựng kết nối tuyến đường từ Xuân Hòa thuộc thôn Lâm Chính đi đầu nguồn đập Thanh Thủy ra khu trung tâm lâm Chính để phục vụ phát triển mô hình dịch vụ du lịch cộng đồng tại thôn Thanh Thủy.

- Xây dựng khu du lịch sinh thái tại thôn Thanh Thủy quy mô 22 ha.

b. Phát triển nông nghiệp:

- Thực hiện tốt chính sách tích tụ đất đai để sản xuất quy mô lớn, xây dựng mô hình canh tác cây trồng nhà lưới kỹ thuật cao. Phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với kinh tế trang trại, gia trại, đẩy mạnh xây dựng mô hình trang trại nông – lâm kết hợp, trang trại lâm nghiệp – chăn nuôi,... Phát triển chăn nuôi cả về số lượng và chất lượng, tập trung mở rộng và nâng cao hiệu quả chăn nuôi tập trung; chăn nuôi liên kết với các doanh nghiệp để bao tiêu sản phẩm; thực hiện tốt các hợp phần hỗ trợ phát triển kinh tế của Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện đề án của huyện về phát triển chăn nuôi, tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ sản xuất của Nhà Nước để mở rộng chăn nuôi, đưa chăn nuôi trở thành một trong những nguồn thu chính của địa phương; gắn sản xuất nông - lâm nghiệp với chăn nuôi; đẩy mạnh phát triển trang trại, gia trại chăn nuôi. Tận dụng mặt nước ao hồ để nuôi thả cá.

- Từ nay đến 2025 xây dựng 10 trang trại tập trung quy mô 138,38 ha. Chủ yếu trồng cây ăn quả, rau sạch.

#### **4.3. Các khu vực có khả năng phát triển**

Các khu đất cao, không bị ngập lụt, các khu vực đất xen kẽ hiện có trong các khu dân cư hiện trạng. Đặc biệt khu vực trung tâm xã (thôn Lâm chính) và dọc 2 bên đường ĐT.520D (đường tỉnh), nhằm phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đất. Các khu vực đất trồng màu, đất lúa 1 vụ năng suất thấp, bấp bênh.

#### **4.4. Đất Quốc phòng**

Quy hoạch 01 khu đất quân sự theo yêu cầu Quốc phòng chiến lược tại khu vực thôn Thanh Tiến, trên trục đường Thanh Xuân đi Thanh Phong. Diện tích khoảng 30 ha

#### **4.5. Các khu vực hạn chế phát triển, các khu vực cấm xây dựng, khu đặc thù**

- Gồm các khu vực thuộc đất quốc phòng, hành lang mở rộng các tuyến giao thông và hạ tầng kỹ thuật; Hành lang thoát lũ, các khu vực ven suối. Hạn chế tối thiểu việc phát triển, xây dựng các công trình trên đất lúa 2 vụ.

- Đối với các khu vực này, tất cả các công trình dự kiến đầu tư xây dựng đều phải lập hồ sơ xin phép các cấp chính quyền theo quy định của Pháp luật.

#### **4.6. Các các công trình đầu môi, kết nối hạ tầng**

- Bãi rác: do địa bàn xã rộng trong giai đoạn 2021-2025 bố trí 2 điểm tập kết và xử lý rác thải. Giai đoạn 2025-2030 Rác thải sinh hoạt sẽ được tập kết và vận chuyển về khu xử lý theo quy hoạch của huyện.

- Nghĩa trang: Khu nghĩa trang của xã được quy hoạch tại thôn Lâm Chính và các thôn đều có quy hoạch khu nghĩa trang, đường vào khu nghĩa trang đi lại thuận lợi, xung quanh trồng cây xanh tạo điều kiện thuận lợi cho việc thăm viếng của nhân dân. Do điều kiện địa bàn dân cư, phong tục tập quán đến năm 2030 ổn định các vị trí nghĩa trang hiện có tại các thôn trong xã, các nghĩa trang cần phải được cải tạo, chỉnh trang để đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường, xung quanh nghĩa trang phải trồng cây xanh cách li, đảm bảo khoảng cách tối thiểu với khu dân cư là 500m. Khuyến khích thực hiện hình thức hỏa táng.

### **5. Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng.**

STT	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (ha)			Ghi chú
		Hiện trạng	QH Đến 2025	QH Đến 2030	
1	2	3	4	5	6
*	<b>Tổng diện tích đất QH</b>	<b>3.689,95</b>	<b>3.689,95</b>	<b>3.689,95</b>	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>3.494,52</b>	<b>3.377,04</b>	<b>3.336,59</b>	
1.1	Đất trồng lúa	87,61	83,68	80,68	đất trồng lúa, đất chuyên trồng lúa nước, đất trồng lúa nước còn lại, đất trồng lúa nương,

1.2	Đất trồng trọt khác	510,36	470,71	460,71	Đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm khác, đất bằng trồng cây hằng năm khác, đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác.
1.3	Đất rừng phòng hộ	547,06	547,06	547,06	Đất rừng phòng hộ
1.4	Đất rừng sản xuất	2.311,31	2.238,69	2.210,24	Đất rừng sản xuất
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	13,68	13,40	13,40	Đất nuôi trồng thủy sản
1.6	Đất nông nghiệp khác	24,50	24,50	24,50	Đất nông nghiệp khác
<b>2</b>	<b>Đất xây dựng</b>	<b>142,41</b>	<b>259,89</b>	<b>300,34</b>	
2.1	- Đất ở - Đất tái định cư	85,68	89,04 6.00	99,49 6.00	Đất ở tại nông thôn
2.2	Đất công cộng	5,70	6,35	6,35	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng cơ sở y tế, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (chỉ tính đất các công trình phục vụ cấp xã); đất xây dựng cơ sở văn hóa (không bao gồm các công trình kinh doanh văn hóa) đất sinh hoạt cộng đồng; đất chợ, điểm bưu điện – VH xã
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0	4,86	4,86	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao (chỉ tính đất xây dựng các công trình phục vụ cấp xã); đất vui chơi, giải trí công cộng (trừ bãi tắm)
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	0		0	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, đất danh lam thắng cảnh; đất cơ sở tôn giáo; đất cơ sở tín ngưỡng

2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	0		30,00	Đất cụm công nghiệp, đất khu công nghiệp, đất khu chế xuất (nằm trên địa bàn xã), đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp,
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	8,48	18,22	18,22	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản, đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm
2.7	Đất xây dựng các khu chức năng khác	0		0	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng cơ sở y tế, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo, Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao (không tính đất các công trình phục vụ cấp xã), bãi tắm biển; đất xây dựng cơ sở kinh doanh văn hóa, đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội, đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ, đất xây dựng cơ sở ngoại giao, đất xây dựng các công trình sự nghiệp khác, đất thương mại dịch vụ,
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	38,25	100,84	100,84	
2.8.1	<i>Đất giao thông</i>	<i>26,90</i>	<i>87,49</i>	<i>87,49</i>	
2.8.2	<i>Đất xử lý chất thải rắn</i>	<i>0</i>	<i>2,00</i>	<i>2,00</i>	<i>đất bãi thải, xử lý chất thải</i>
2.8.3	<i>Đất nghĩa trang, nghĩa địa</i>	<i>10,83</i>	<i>10,83</i>	<i>10,83</i>	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, hỏa táng</i>
2.8.4	<i>Đất hạ tầng kỹ thuật khác</i>	<i>0,52</i>	<i>0,52</i>	<i>0,52</i>	<i>Đất công trình năng lượng, đất công trình bưu chính, viễn thông (trừ điểm bưu điện – văn hóa xã, ) các công trình đầu mối</i>



					<i>phục vụ đời sống của người dân nông thôn như: cấp điện, cấp nước, thoát nước</i>
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	4,30	4,30	4,30	Đất thủy lợi; đất phi nông nghiệp khác (kho, trạm, trại...)
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	0	30,28	30,28	
<b>3</b>	<b>Đất khác</b>	<b>53,02</b>	<b>53,02</b>	<b>53,02</b>	
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	42,15	42,15	42,15	Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối, đất có mặt nước chuyên dùng, đất có mặt nước ven biển
3.2	Đất chưa sử dụng	10,87	10,87	10,87	Đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng, núi đá không có rừng cây

## **6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất:**

### **6.1. Giao thông**

a. Giao thông đối ngoại: gồm 3 tuyến

\*. Đường tỉnh lộ 520D (ĐT.520D):

Kết nối từ thị trấn Yên Cát đi xã Thanh Quân, đoạn qua xã Thanh Xuân L = 8km vừa là trục giao thông đối ngoại vừa là trục trung tâm xã có lộ giới theo quy mô quy hoạch là đường cấp III. Hành lang ATGT phạm vi cấm cọc từ tim đường ra mỗi bên 19,5m.

#### Mặt cắt 1-1

+ Đoạn đi qua khu dân cư: hè, rãnh thoát nước 6m - mặt đường 9,0m – hè rãnh thoát nước 6m; Hành lang ATGT phạm vi cấm cọc từ tim đường ra mỗi bên 19,5m. (hệ thống đường gom tùy theo những đoạn đi qua khu dân cư tập trung sẽ được quy hoạch chi tiết sẽ được cụ thể hóa trong từng dự án thực hiện)

+ Đoạn đi ngoài khu dân cư: Mặt đường 9,0m; hè, rãnh thoát nước và taluy mỗi bên 6m. hành lang ATGT mỗi bên 19,5m.

\*. Đường tỉnh (Tuyến Cơ động QP) (TX.NX.NA): Thường Xuân – Thanh Xuân – Thanh Quân – Nghệ an.

Quy hoạch là đường cấp IV. Đoạn đi qua xã có  $L = 6.5\text{km}$ . Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên  $19.5\text{m}$ .

#### Mặt cắt 2-2

+ Đoạn đi qua khu dân cư: Mặt đường  $7.5\text{m}$ ; hè đường và rãnh thoát nước mỗi bên  $5\text{m}$ . Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên  $19.5\text{m}$ . (hệ thống đường gom tùy theo những đoạn đi qua khu dân cư tập trung sẽ được quy hoạch chi tiết sẽ được cụ thể hóa trong từng dự án thực hiện)

+ Đoạn đi ngoài khu dân cư: Mặt đường  $7.5\text{m}$ ; hè đường nước mỗi bên  $4.5\text{m}$ ; rãnh thoát nước và taluy mỗi bên  $1,5\text{m}$ . Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên  $19.5\text{m}$ .

\*. Đường Huyện (ĐH-15): Quy hoạch đường cấp V: Thanh Xuân – Thanh Phong,  $L = 7\text{km}$ . Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên  $13.75\text{m}$ ; áp dụng cho cả tuyến.

#### Mặt cắt 3-3

+ Đoạn đi qua khu dân cư: Nền đường  $7.5\text{m}$ ; hè đường mỗi bên  $1\text{m}$ . Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên  $13.75\text{m}$ ; áp dụng cho cả tuyến.

+ Đoạn đi ngoài khu dân cư: Nền đường  $7.5\text{m}$ ; hè mỗi bên  $1\text{m}$ ; Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên  $13.75\text{m}$ ; áp dụng cho cả tuyến.

#### b. Giao thông nội bộ:

\*. Đường xã: gồm 4 tuyến. Quy hoạch đường cấp VI:

- Đường X.1: Từ thôn Thanh Đồng – Thanh Lâm (đi qua khu tái định cư)  $L = 5,0\text{km}$ . Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên  $7.5\text{m}$ ; áp dụng cho cả tuyến.

- Đường X.2: Từ thôn Lâm Chính – Thanh Lâm (đi qua thôn Thanh Thanh Bình)  $L = 3,4\text{km}$ . Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên  $7.5\text{m}$ ; áp dụng cho cả tuyến.

- Đường X.3: Từ thôn Thanh Thủy – khu du lịch cộng đồng,  $L = 3,5\text{km}$ .

- Đường X.4: Từ thôn Đồng Phóng – Cát Vân,  $L = 2,2\text{km}$ .

#### Mặt cắt 4-4

+ Đoạn đi qua khu dân cư: Mặt đường  $5.0\text{m}$ ; hè đường, rãnh thoát nước mỗi bên  $1\text{m}-2\text{m}$ . Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên  $7.5\text{m}$ ; áp dụng cho cả tuyến.

+ Đoạn đi ngoài khu dân cư: Nền đường  $5.0\text{m}$ ; hè đường mỗi bên  $1\text{m}$ ; Hành lang ATGT từ tim đường ra mỗi bên  $7.5\text{m}$ ; áp dụng cho cả tuyến.

\*. Đường thôn, đường nội đồng: Gồm 11 tuyến; tổng chiều dài  $8,6\text{km}$ , Hành lang ATGT chung cho các tuyến từ tim đường ra mỗi bên  $6.75\text{m}$ .

### Mặt cắt 5-5

Mặt đường 3.5 m; hè đường mỗi bên 1m-1.5m

### **6.2. Giải pháp san nền – thoát nước mưa:**

#### a. San nền

- San nền cục bộ trong từng lô chức năng, hướng dốc nền ra các tuyến đường giao thông quy hoạch; Độ dốc san nền tối thiểu 0,4% đảm bảo cho nước mặt tự chảy.

- Các tuyến đường quy hoạch mới sẽ có cao độ phù hợp với cao độ hiện trạng các tuyến đường hiện có.

#### b. Thoát nước mưa:

- Trên cơ sở rà soát hệ thống thoát nước của khu vực; tận dụng tối đa các công trình thoát nước hiện có.

- Bổ sung mạng lưới mương hở, mương nắp đan chạy dọc theo hệ thống đường giao thông thu nước từ các sườn đồi, sườn dốc và nền của các công trình thoát ra cống ngang đường được đặt tại các vệt tụ thủy sau đó thoát ra hệ thống khe, suối nhỏ hiện có rồi được thoát về các suối trong khu vực.

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế đảm bảo 100% nước mặt được thoát hết; Không để xảy ra hiện tượng ngập lụt cục bộ trong khu vực lập quy hoạch và khu vực lân cận.

### **6.3. Định hướng hệ thống cấp nước.**

- Trên cơ sở hiện trạng, là xã miền núi, điều kiện địa hình tương đối phức tạp, đối với xã Thanh Xuân sử dụng nguồn nước mặt khe suối, nước từ các hồ đập và nước ngầm được xử lý để cấp nước cho sinh hoạt cho từng thôn và sản xuất.

- Khu cụm công nghiệp - làng nghề được cấp theo dự án riêng.

### **6.4. Định hướng thoát nước thải và vệ sinh môi trường.**

#### a) Thoát nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt: xây dựng các bể tự hoại đạt tiêu chuẩn quy định, nước thải được xả ra môi trường sau khi đã được xử lý hợp vệ sinh qua bể tự hoại và thoát ra hệ thống thoát nước mưa.

- Đối với khu vực đất dịch vụ thương mại và cơ sở kinh doanh sản xuất phải xây dựng trạm xử lý nước thải riêng biệt. Nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn được thải ra hệ thống thoát nước mưa, hoặc tận dụng tưới cây,.....

#### b) Chất thải rắn và vệ sinh môi trường.

- Chất thải rắn từ các hộ gia đình và các khu công cộng được thu gom vào các thùng rác công cộng đặt dọc theo các tuyến đường giao thông hoặc người dân sẽ tự vận chuyển rác đến khu vực gom rác để tập kết. Xe chuyên dụng sẽ chạy theo

lich trình và thu gom chất thải rắn và rác xử lý từ các thùng rác này vận chuyển đến bãi chôn lấp và xử lý rác tập trung theo quy hoạch của huyện Như Xuân.

- Kích thước các thùng rác công cộng có kích thước từ 60 lít đến 660 lít, đặt dọc theo các trục giao thông hoặc các khu vực công cộng với khoảng cách giữa các thùng từ 50 - 100m.

### **6.5. Quy hoạch hệ thống cấp điện, chiếu sáng:**

- Nguồn cung cấp điện: Nguồn điện cấp cho xã được cấp từ đường điện trung áp 35Kv hiện có

- Lưới điện trung áp: Các tuyến điện trung áp 35KV sẽ được cải dịch một số vị trí cột qua khu trung tâm xã, xây dựng tuyến điện trung áp 35KV mới đầu nối từ đường dây 35kv cấp điện cho trạm biến áp thôn Thanh Thủy xây dựng mới phục vụ nhu cầu dân cư khu vực .

- Trạm biến áp: Căn cứ vào nhu cầu sử dụng điện của khu vực nghiên cứu đề xuất xây dựng mới 01 trạm biến áp công suất 100KVA-35/0,4. 1 trạm phục vụ nhu cầu dân cư khu vực phía Tây thôn Thanh Thủy. Cụ thể công suất các trạm biến áp như sau:

STT	TÊN TRẠM BIẾN ÁP	CÔNG SUẤT HIỆN TRẠNG (KVA)	CÔNG SUẤT NÂNG CẤP (KVA)
1	Trạm BA 01 – khu trung tâm xã	150	150
2	Trạm BA 02– thôn Lâm chính	50	100
3	Trạm BA 03 – Thôn Thanh bình	100	100
4	Trạm BA 04 – Đồng Phóng	100	100
5	Trạm BA 05 – Thanh Đồng	100	100
6	Trạm BA 06 – Khu sản xuất VLXD	250	250
7	Trạm BA 07 – Trai lợn	250	250
8	Trạm BA 08 – Trại Lợn	250	250
9	Trạm BA 08 – Thanh Thủy	0	100
<b>Tổng công suất</b>		<b>1.250</b>	<b>1.400 KVA</b>

- Điện chiếu sáng: xây dựng hệ thống chiếu sáng đến các ngõ xóm, thôn.

## **7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn.**

### **7.1. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:**

- Về giao thông: Hoàn thành cứng hóa 100% các tuyến đường giao thông và kênh mương hóa, nội thôn, nội đồng. Kinh phí thực hiện từ nguồn khuyến khích phát triển giao thông nông thôn, nguồn hỗ trợ xi măng của huyện và nhân dân đóng góp.

- Về cơ sở vật chất văn hóa.

+ Triển khai xây dựng khu trung tâm thể thao văn hóa của xã có hệ thống rãnh thoát nước, tường rào bao quanh, trồng các cây xanh đảm bảo xanh sạch đẹp.

+ Hoàn thiện hệ thống nhà văn hóa và khu thể thao các thôn. Nguồn vốn: Hỗ trợ của UBND xã Thanh Xuân, vận động nhân dân thôn đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác xây mới nhà văn hóa của thôn.

- Về Y tế: Chính trang khuôn viên, lò đốt rác và vườn thuốc nam. Phấn đấu xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế .

- Về Giáo dục: Chính trang hệ thống khuôn viên, nâng cấp trang thiết bị nhà trường đảm bảo đạt chuẩn theo quy định

**7.2. Nguồn vốn:** Vốn từ ngân sách, vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

## **8. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã.**

### **8.1. Tiến độ thực hiện**

- Giai đoạn 2021-2025: Tập trung đầu tư xây dựng theo các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

- Đến năm 2030: Hoàn thành chỉ tiêu xây dựng xã Nông thôn mới.

### **8.1. Giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch**

- Phát triển kinh tế nhanh và bền vững, nâng cao các sản phẩm của địa phương. Huy động và sử dụng các nguồn lực cho phát triển kinh tế; ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào phát triển kinh tế - xã hội, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ. Tiếp nhận các chương trình đầu tư, chương trình mục tiêu quốc gia về XDNTM của Chính phủ và các chương trình dự án khác.

- Quản lý tốt tài nguyên và làm tốt công tác bảo vệ môi trường. Tập trung quản lý tốt, khai thác, sử dụng hiệu quả, các nguồn tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn. Tăng cường quản lý đất đai, không để xảy ra việc sử dụng đất sai mục đích trên địa bàn xã. Đẩy mạnh kiểm tra việc chấp hành luật bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của nhân dân trong công tác bảo vệ môi trường. Thu gom rác thải đổ đúng nơi quy định. Quy hoạch vùng sản xuất kinh doanh tập trung và xử lý hiệu quả chất thải trên địa bàn.

- Nâng cao chất lượng văn hóa; giải quyết tốt các chính sách an sinh xã hội; nâng cao đời sống nhân dân

- Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **a. UBND xã Thanh Xuân**

- Phối hợp với phòng Kinh tế và Hạ tầng và các ngành liên quan tổ chức công bố rộng rãi quy hoạch chung xây dựng xã để nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện.

- Tiếp nhận, quản lý hồ sơ, tài liệu quy hoạch được giao và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức nghiên cứu, lập các quy hoạch chi tiết, định vị tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính trên thực địa.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư, nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của nhà nước.

b. Phòng Kinh tế và Hạ tầng và các ngành chức năng liên quan: Chịu trách nhiệm hướng dẫn, quản lý theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND xã Thanh Xuân, Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND huyện;
- Các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- UBND xã Thanh Xuân (05 bản);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Đông**